

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 01 NĂM 2023

Năm 2023, là năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI và các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Với chủ đề năm 2023 “Nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội”, Thành phố hướng đến mục tiêu khơi thông các nguồn lực hiện có, đổi mới trong tư duy quản lý, nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế, vượt qua các khó khăn và thách thức.

Sơ bộ kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2023 như sau:

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01 năm 2023 ước tính giảm 21,4% so với tháng 12 năm 2022, do Tết năm nay đến sớm và thời gian hoạt động sản xuất trong tháng 01 ít hơn so với tháng 12. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 22,0%; sản xuất và phân phối điện giảm 12,8%; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 8,4%. Tất cả 30/30 ngành công nghiệp cấp 2 đều giảm so với tháng trước, trong đó có 15/30 ngành giảm trên 20% như: Hoạt động khai khoáng khác giảm 30,1%; sản xuất đồ uống giảm 31,0%; sản xuất trang phục giảm 29,2%; chế biến gỗ giảm 27,7%; in và sao chép bản ghi giảm 23,5%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 42,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 46,5%; sản xuất kim loại giảm 20,8%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 44,6%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 30%; sản xuất xe có động cơ giảm 46,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 30%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 37%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 36,3%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 21,4%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2023 giảm 15,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công

ngành chế biến, chế tạo giảm 15,6%; sản xuất và phân phối điện giảm 4,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 2,2%. Trong 30 ngành công nghiệp cấp 2, chỉ có 04 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước, gồm: Sản xuất đồ uống tăng 71,5%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 57%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 15,2%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 0,3%. Các ngành công nghiệp còn lại đều giảm so với cùng kỳ, trong đó có 11 ngành giảm trên 20% như: Hoạt động khai khoáng khác giảm 70,1%; sản xuất trang phục giảm 36,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 22%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 47,5%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 20,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 41,0%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 48,4%; sản xuất sản phẩm điện tử giảm 34,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 23,6%; sản xuất xe có động cơ giảm 20,4%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 60,5%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu tháng 01 năm 2023
so với cùng kỳ**

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	96,0	134,5	90,6	85,0
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	2,3	71,9	337,4	94,0
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	96,5	136,2	89,9	84,5
3. SX và phân phối điện	96,9	111,8	95,6	95,3
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	93,0	107,2	100,7	97,8
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	93,5	131,1	102,7	94,4
2. Sản xuất đồ uống	103,6	120,7	83,5	171,5
3. Sản xuất trang phục	92,2	95,3	92,5	63,4
4. Sản xuất da và SP liên quan	95,8	128,1	90,2	78,0
5. SX hóa chất và SP hóa chất	106,7	156,8	86,7	87,6
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	86,1	163,7	98,3	115,2
7. SP từ khoáng kim loại	90,2	187,6	68,1	59,0
8. Sản xuất SP điện tử	102,8	161,9	88,2	65,7
9. Sản xuất thiết bị điện	98,5	161,8	89,0	89,7
10. Sản xuất xe có động cơ	90,6	186,4	86,1	79,6

Đối với 04 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 01 năm 2023 giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành sản xuất hàng điện tử giảm 34,3%; ngành cơ khí giảm 28,4%; ngành lương thực thực phẩm và đồ uống tăng 22,5%, ngành hóa dược tăng 0,8%.

Đối với 03 ngành công nghiệp truyền thông, chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 01 năm 2023 giảm 26,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 22,0%; sản xuất trang phục giảm 36,6%; ngành dệt giảm 7,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 01 năm 2023 ước tính giảm 18,9% so với tháng 12 năm 2022. Tính chung tháng 01 năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp giảm 12,7% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất đồ uống tăng 87,6%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 77,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 44,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,4%. Tuy nhiên, có một số ngành có mức tiêu thụ giảm so với cùng kỳ: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 58,0%; sản xuất kim loại giảm 54,8%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 47,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 47,3%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 01 năm 2023 ước tính tăng 6,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp như: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu 83,5%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 81,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 63,5%; sản xuất trang phục tăng 61,7%. Một số ngành có mức tồn kho giảm sâu so với cùng kỳ năm 2022: Sản xuất sản phẩm da và các sản phẩm có liên quan giảm 61,5%; sản xuất đồ uống giảm 48,2%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 29,6%.

Tình hình lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong tháng 01 giảm 0,8% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó một số ngành có chỉ số lao động tăng so với cùng kỳ như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 48,9%; sản xuất đồ uống tăng 38,8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 16,5%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm so với cùng kỳ: Thoát nước và xử lý nước thải giảm 49,5%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 32,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 8,3%; sản xuất kim loại giảm 7,9%.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học. Xu hướng tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

2.1. Trồng trọt

Vụ Đông Xuân

Đến nay, đã xuống giống gieo trồng vụ Đông xuân với tổng diện tích đạt 4.200,0 ha, giảm 3,6% so với cùng kỳ, trong đó giảm chủ yếu diện tích gieo trồng lúa, ngô, mía, rau tại huyện Hóc Môn và quận Bình Tân do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.

Diện tích trồng ngô đạt 314,9 ha, giảm 3,0% so với cùng kỳ; sản lượng sơ bộ đạt 295,4 tấn, giảm 0,9%.

Diện tích trồng sắn mì đạt 71,0 ha, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 1.665,0 ha, giảm 2,9% so với cùng kỳ, sản lượng rau các loại ước đạt 42.867,0 tấn, giảm 0,5%.

Sơ bộ tình hình sản xuất lúa vụ Mùa năm 2022:

Diện tích gieo trồng lúa mùa đạt 5.718,1 ha, giảm 5,2% so với cùng kỳ; Diện tích lúa được gieo trồng lớn nhất là huyện Củ Chi 3.496,7 ha; kế đến là huyện Bình Chánh có 1.636,8 ha; huyện Hóc Môn 337,5 ha; huyện Cần Giờ 114,5 ha; quận Bình Tân 52 ha; thành phố Thủ Đức 70 ha; huyện Nhà Bè 7,6 ha và quận Bình Thạnh 01 ha.

- *Tình hình sinh vật gây hại:*

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 957,3 ha, tăng 34,3% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau 575,9 ha, giảm 4,7%; diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trừ là 1.693,8 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh ri trắng và ốc bươu vàng.

2.2. Chăn nuôi

Tháng 01/2023, Thành phố tiếp tục ghi nhận sự duy trì ổn định về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn do tình hình kiểm soát bệnh tốt và chuẩn bị sản lượng thịt cung cấp cho thị trường dịp tết Quý Mão. Tổng đàn trâu, bò, lợn và gia cầm có sự ổn định.

Cụ thể:

+ Đàn trâu ước tính có 3.106 con.

+ Đàn bò ước tính có 99.257 con, giảm 3,9%, trong đó đàn bò sữa có 75.127 con, giảm 8,3% tổng đàn bò.

+ Đàn lợn thịt ước tính có 102.363 con, tăng 1,0%.

+ Đàn gia cầm của Thành phố ước tính có 362,9 nghìn con, tăng 0,3%, trong đó đàn gà có 313,0 nghìn con, chiếm 86,2% tổng đàn gia cầm.

2.3. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện nay khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản tại thành phố hiện nay còn rất ít, chủ yếu là củi tận thu từ rừng phòng hộ và sản lượng gỗ chủ yếu từ một số hộ dân trồng tràm tại huyện Bình Chánh.

2.4. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 01 năm 2023 sản ước thực hiện 4.700,0 tấn, tăng 8,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.323,0 tấn, giảm 1,7%; sản lượng tôm ước đạt 1.162,0 tấn, tăng 6,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.215,0 tấn, tăng 15,6%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

- Sản lượng thủy sản khai thác tháng 01 năm 2023 ước thực hiện 905,0 tấn, giảm 11,8% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 520,0 tấn, giảm 10,5%; sản lượng tôm ước đạt 165,0 tấn, giảm 10,2%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 220,0 tấn, giảm 15,9%.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 01 năm 2023 ước đạt 3.603,0 tấn, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 738,0 tấn, tăng 6,2%; sản lượng tôm ước đạt 965,0 tấn, tăng 11,2%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 1.900 tấn, tăng 22,6%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/01/2023)

Tôm sú: Hiện có 222 lượt hộ thả nuôi với 13,6 triệu con giống trên diện tích 3.228,9 ha. Diện tích thả nuôi tăng 1,8% cùng kỳ, số lượng con giống tăng 6,7%.

Tôm thẻ chân trắng: Có 147 lượt hộ thả nuôi với 72,6 triệu con giống trên diện tích 131,3 ha. Diện tích thả nuôi tăng 8,9% so với cùng kỳ, con giống tăng 8,0%.

Trong tháng đã có 02 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 0,7 ha, số lượng con giống thiệt hại là 1,3 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 46 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

3.1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 01 năm 2023 đạt 1.598,1 tỷ đồng, tăng 94,8% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước thực hiện 1,598,1 tỷ đồng, tăng 95,6% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước thực hiện 20,3 tỷ đồng, tăng 42,8%.

Thành phố đã triển khai các yêu cầu, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công nhằm đạt được tỷ lệ giải ngân cao nhất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách tháng 01 năm 2023

Đvt: Tỷ đồng

	Chính thức 12 tháng năm 2022	Ước tính tháng 01 năm 2023	Tháng 01 năm 2023 so với kế hoạch (%)	Tháng 01 năm 2023 so với cùng kỳ (%)
Tổng số	30.013,1	1.598,1	2,3	194,8
- Vốn cấp thành phố	29.653,4	1.577,3	2,2	195,6
- Vốn cấp huyện	351,4	20,3		142,8
- Vốn cấp xã	8,3	0,6		-

Các đơn vị chủ đầu tư đăng ký giải ngân vốn đến hết niên độ kế hoạch đầu tư công năm 2022 là 28.753,7 tỷ đồng; tình hình triển khai các dự án có cấu phần bồi thường còn chậm do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

3.2 Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ thu hồi hơn 32 ha đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng gần 53 ha để làm dự án, trong đó huyện Bình Chánh có diện tích lớn nhất. Một số dự án lớn gồm: Khu dân cư trung tâm Sài Gòn (Saigon Downtown Residence) - thay thế chung cư cũ tại 23 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1; mở rộng đường Nguyễn Duy Trinh (đoạn từ vành đai 2 đến đường vào khu công nghiệp Phú Hữu); xây mới Trung tâm pháp y tâm thần TP.HCM; xây dựng trường học, nâng cấp hẻm... Bên cạnh đó, HĐND Thành phố cũng đồng ý cho chuyển mục đích sử dụng hơn 52 ha đất trồng lúa để thực hiện 19 dự án. Trong đó, có 13 dự án đã quá ba năm chưa thực hiện (hơn 30 ha), còn lại là dự án mới hoặc bổ sung. Thành phố dự chi 15.300 tỷ đồng làm 02 dự án xây cao tốc TP.HCM - Mộc Bài và cải tạo rạch Xuyên Tâm.

- **Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên:** Thành phố điều chỉnh thời gian thực hiện, hoàn thành thi công tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành – Suối Tiên vào cuối quý IV năm 2023.

- **Dự án tuyến đường sắt đô thị số 2 Bến Thành - Tham Lương:** Thành phố đã cơ bản hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán bồi thường và đang tiến hành đấu thầu xây lắp di dời công trình điện; dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024 để bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu chính (thi công đoạn đi ngầm, trên cao) vào năm 2025.

- **Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh:** Ban Chỉ huy dự án tổ chức đi thực địa trực tiếp đến các địa bàn để rà soát tiến độ và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; hoàn tất các thủ tục để phê duyệt hai dự án thành phần (xây lắp và bồi thường).

3.3 Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 12, toàn Thành phố đã cấp 31.118 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 với diện tích sàn 5.915 nghìn m², tăng 38,5% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 45,7% về diện tích.

Trong đó, cấp cho xây dựng mới 29.092 giấy phép với diện tích 5.699,6 nghìn m², tăng 36,5% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 45,0% về diện tích; cấp cho sửa chữa lớn nhà 1.155 giấy phép với diện tích 129 nghìn m²; tăng 75,4% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 67,1% về diện tích.

3.4 Doanh nghiệp thành lập mới

Trong 20 ngày đầu năm 2023, Thành phố đã cấp phép 2.536 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 17.967,1 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 7,1% và vốn giảm 38%. Trong đó, vốn đăng ký có mức giảm mạnh ở ngành công nghiệp (giảm 41,4%) và ngành dịch vụ (giảm 45,2%).

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 2.299 đơn vị, giảm 3,7% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 13.312,9 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ. Tương tự, Công ty cổ phần có 201 đơn vị, giảm 36,8%; vốn đăng ký 4.636,8 tỷ đồng, giảm 72,6% so với cùng kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

4.1. Nội thương

Tháng 01 năm 2023 là thời điểm trùng với mùa mua sắm cuối năm và thời gian nghỉ tết Nguyên đán, nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân tăng so với tháng 12 nhưng cũng có một số ngành dịch vụ giảm do số ngày làm việc giảm như: Giáo dục, y tế, kinh doanh bất động sản. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01 dự ước đạt 90.520 tỷ đồng, giảm 5,7% so với tháng trước**, trong đó doanh thu bán lẻ tăng 4,6%, dịch vụ lưu trú ăn uống giảm 2,1%, dịch vụ du lịch lữ hành giảm 4,8%, dịch vụ khác giảm 24%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Thực hiện tháng 12 năm 2022	Ước tính tháng 01 năm 2023	Đơn vị tính: Tỷ đồng	
			Tháng 01 năm 2023	
			Tháng trước (%)	Cùng kỳ (%)
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	96.045	90.520	94,3	105,7
Thương nghiệp	54.371	56.887	104,6	107,8
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.240	8.067	97,9	161,0
Dịch vụ lữ hành	842	802	95,3	198,7
Dịch vụ khác	32.592	24.765	76,0	90,1

So với cùng kỳ năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01 năm 2023 tăng 5,7%, trong đó doanh thu bán lẻ

tăng 7,8%, dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 61%, dịch vụ du lịch lữ hành tăng 98,7%, dịch vụ khác giảm 9,9%.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01 ước đạt 56.887 tỷ đồng, chiếm 62,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 4,6% so với tháng trước. Diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

+ Nhóm lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng 19,1%, tăng 5,6%; nhóm hàng đồ dùng thiết bị gia đình chiếm tỷ trọng 12,5% tăng 6,4%; ô tô và phương tiện đi lại (gồm cả sữa chữa) chiếm tỷ trọng 16,2% tăng 4,7%; xăng dầu và nhiên liệu khác chiếm tỷ trọng 11,7% tăng 2,3%; hàng may mặc chiếm 8,6% tăng 6,8%.

So với cùng kỳ, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 7,8%, trong đó có 03 nhóm hàng tăng cao nhất là: Nhóm hàng lương thực tăng 12,3%; thực phẩm tăng 12,4%; ô tô và phương tiện đi lại tăng 12,9%.

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 01 ước đạt 802 tỷ đồng, giảm 4,8% so với tháng trước, so với cùng kỳ tăng 98,7%.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 01 ước đạt 24.765 tỷ đồng giảm 24% so với tháng trước. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng 59,4%, giảm 25,6%.

So với cùng kỳ, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác giảm **9,9%**, trong đó ngành kinh doanh bất động sản giảm 14,6%.

Nhìn chung, Thành phố đảm bảo cân đối cung cầu các mặt hàng lương thực, thực phẩm trước, trong và sau Tết, không xảy ra biến động tăng giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm. Các đơn vị hoạt động lữ hành liên tục đưa ra nhiều chương trình tour khuyến mãi hấp dẫn đáp ứng nhu cầu du xuân của người dân; đẩy mạnh khai thác các loại hình du lịch, tham quan, mua sắm, ăn uống về đêm tại các quận, huyện, thành phố Thủ Đức cũng như liên kết với các địa phương nhằm thúc đẩy ngành du lịch phát triển trở lại.

4.2. Chỉ số giá tiêu dùng

Thành phố tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, phát huy hiệu quả của chương trình bình ổn giá, đảm bảo nguồn hàng cung cấp cho người dân trong dịp tết Nguyên đán. **Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01 năm 2023 tăng 0,38% so với tháng trước và tăng 5,06% so với cùng kỳ.** So với tháng trước, có 2 nhóm giảm là: Nhà ở vật liệu xây dựng và bưu chính viễn thông; 9 nhóm còn lại tăng, trong đó mức tăng cao nhất thuộc về nhóm giao thông (+1,92%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành so với tháng trước như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: tăng 0,47% trong đó lương thực tăng 0,31% với giá gạo tăng 0,08%, lương thực chế biến tăng 0,59%; thực phẩm tăng

0,69% với thịt gia súc tăng 0,39%; thịt gia cầm tăng 1,78%; thịt chế biến tăng 0,52%; trứng tăng 0,05%; thủy sản tươi sống tăng 2,28%, hoa quả tăng 1,99%. Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,20%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: tăng 0,59% là nhóm tăng cao thứ hai trong tháng, trong đó đồ uống không cồn giảm 0,41%, rượu bia tăng 1,48% và thuốc hút tăng 0,84%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: tăng 0,25% trong đó vải tăng 0,08%; quần áo may sẵn tăng 0,28%; giày dép tăng 0,26%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: giảm 0,21%%; trong đó nhóm điện sinh hoạt giảm 0,42%; nước sinh hoạt giảm 1,42%; gas giảm 4,47%; dịch vụ sửa chữa nhà tăng 1,11%.

Nhóm giao thông: tăng 1,92%, trong đó xăng tăng 2,39% dịch vụ giao thông công cộng tăng 14,23%, cao nhất là hàng không tăng 32,42%; đường sá tăng 28,78%.

Nhóm giáo dục: tăng 0,37%; *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế:* tăng 0,01%.

So với cùng kỳ, CPI tháng 01 tăng 5,06% với 10/11 nhóm hàng tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức 15,29%; tiếp theo là nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng với mức tăng 6,55%; nhóm hàng giảm giá là bưu chính viễn thông (-0,3%)

Chỉ số giá vàng tháng 01 năm 2023 giảm 0,31% so với tháng trước và tăng 8,73% so với tháng 01 năm 2022.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01 năm 2023 giảm 2,30% so với tháng trước và tăng 2,39% so với tháng 01 năm 2022.

V. VẬN TẢI

5.1. Doanh thu vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 01 ước đạt 18.332 tỷ đồng, giảm 18,8 % so với tháng trước và giảm 28% so với tháng cùng kỳ. Chia ra:

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách tháng 01 năm 2023

	Doanh thu tháng 01 (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	5.456	1.939	86,6	225,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.026	77	100,3	161,0
Kinh tế ngoài nhà nước	4.343	1.371	84,8	205,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	87	491	55,7	337,5

**Phân theo phương tiện vận tải*

	Doanh thu tháng 01 (tỷ đồng)		So sánh với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Trong đó : Đường bộ	3.449	1.216	78,2	197,4
Đường sắt	30	67	98,2	146,2
Đường sông	720	194	174,0	244,6
Đường biển	1.255	17	87,0	-
Đường hàng không	2	445	53,7	375,8

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 01 ước đạt 5.456 tỷ đồng, giảm 13,4% so với cùng kỳ. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 18,8%, tăng 0,3% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 79,6%, giảm 15,2%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,6%, giảm 44,3%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 63,2%, giảm 21,8% so với cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 23,0%, giảm 13,0%; vận tải đường sông chiếm 13,2%, tăng 74,0%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 01 ước đạt 1.939 tỷ đồng, tăng 125,5% so với cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 70,7%, tăng 105,7%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 25,3%, tăng 237,5% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,7%, tăng 97,4% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 3,4%, tăng 46,2%; đường hàng không chiếm 22,9%, tăng 275,8%.

* **Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải:** Doanh thu tháng 01 ước đạt 10.937 tỷ đồng, giảm 40,2% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kho bãi – dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 9.723 tỷ đồng, giảm 42,7%; Bru chính và chuyển phát đạt 1.214 tỷ đồng, giảm 7,9 %.

5.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

a. Sản lượng vận tải hàng hóa: Tháng 01 ước đạt 24.175 ngàn tấn, so với tháng trước giảm 32,4%; so với cùng kỳ giảm 14,0%. Khu vực nhà nước chiếm 19,2%, tăng 7,9%;_khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 76,0%, giảm 15,5% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 4,8%, giảm 44,6% so với cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 54,6%, giảm 30,1% so với cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 32,3%, tăng 61,9%; vận tải đường biển chiếm 12,9%, giảm 28,5%.

b. Sản lượng vận tải hành khách: Tháng 01 ước đạt 57.982 nghìn hành khách, so với tháng trước giảm 30,2%, so với cùng kỳ tăng 62,7%. Khu vực nhà nước chiếm 0,4%, tăng 122,6%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 96,4%, tăng 61,9%_và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 3,2%, tăng 86,9%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 79,9%, tăng 64,2%; vận tải đường sông chiếm 19,2%, tăng 53,9% so với cùng kỳ.

VI. TÀI CHÍNH

6.1. Ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố trong tháng 01 năm 2023 giảm 13,1% so với cùng kỳ và chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tăng 17,6% so với cùng kỳ.

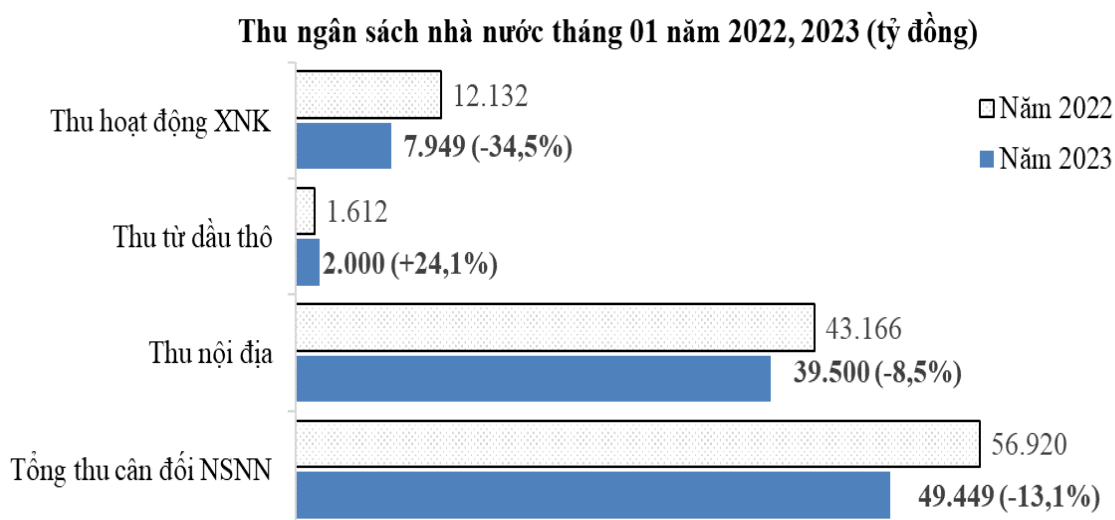
Dự toán tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2023 là 469.681,9 tỷ đồng, tăng 21,5% so với dự toán năm 2022. Trong đó: Thu nội địa (kể cả dầu thô) là 323.575 tỷ đồng, tăng 19,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 145.800 tỷ đồng, tăng 25,2% so với dự toán năm 2022.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2023 ước thực hiện 49.449 tỷ đồng, đạt 10,5% dự toán và giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể:

- Thu nội địa ước thực hiện 39.500 tỷ đồng, đạt 12,8% dự toán, chiếm 79,9% tổng thu cân đối và giảm 8,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 3.640 tỷ đồng, đạt 11,7% dự toán, chiếm 7,4% tổng thu và giảm 1,5%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 16.290 tỷ đồng, đạt 18,7% dự toán, chiếm 32,9% tổng thu và tăng 24,5%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 9.090 tỷ đồng, đạt 18,7% dự toán, chiếm 18,4% tổng thu và giảm 0,8%.

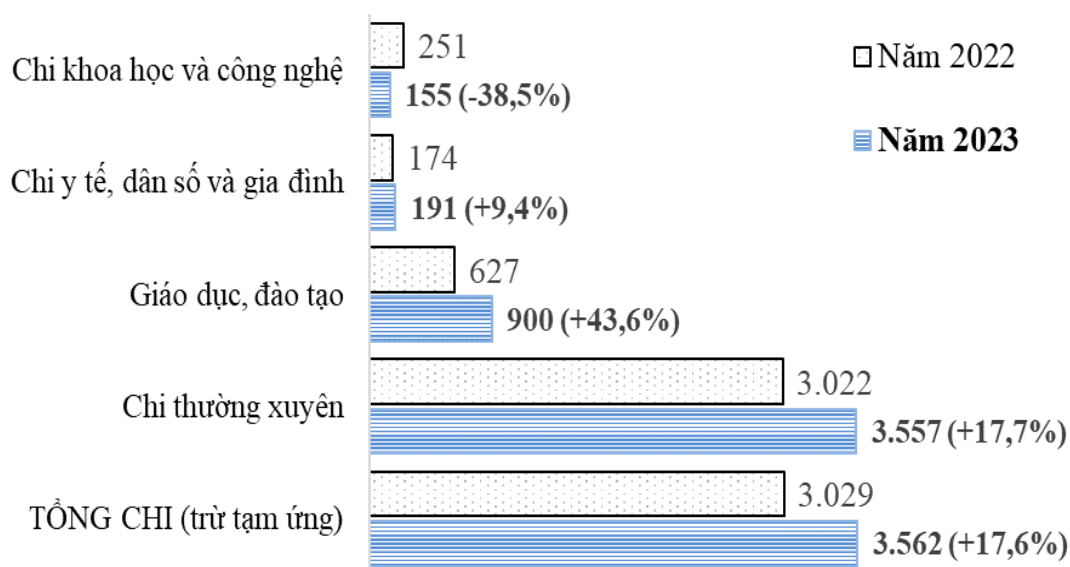
- Thu dầu thô ước thực hiện 2.000 tỷ đồng, đạt 12,5% dự toán, chiếm 4,0% tổng thu cân đối và tăng 24,1%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 7.949 tỷ đồng, đạt 5,5% dự toán, chiếm 16,1% tổng thu cân đối và giảm 34,5%.



Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tháng 01 năm 2023 ước thực hiện 3.562 tỷ đồng, đạt 2,8% dự toán và tăng 17,6% so với cùng kỳ. Trong đó, chi thường xuyên ước thực hiện 3.557 tỷ đồng, tăng 17,7%; chi cho hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 900 tỷ đồng, tăng 43,6%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 191 tỷ đồng, tăng 9,4%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 155 tỷ đồng, giảm 38,5% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương tháng 01 năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



6.2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động tính đến ngày 01/01/2023 đạt 3.294,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ đạt 2.955,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 89,7% tổng vốn huy động, tăng 0,15% so với tháng trước.

- Vốn huy động bằng ngoại tệ đạt 339,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,3% tổng vốn huy động, tăng 0,63% so với tháng trước.

Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến ngày 01/01/2023 đạt 3.242 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 3.072 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,8% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,5% so với tháng trước.

- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 170 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,2%, tăng 1,1% so với tháng trước.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dự nợ ngắn hạn đạt 1.471,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 45,4% tổng dự nợ tín dụng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2022.
- Dự nợ trung hạn, dài hạn đạt 1.770,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,6% tổng dự nợ, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ.

6.3. Thị trường chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước trong tháng 12/2022 đã tăng 11,8% so với tháng trước, giao dịch tăng 14% về khối lượng và tăng 22,1% về giá trị. Chỉ số VN-Index trong tháng có 10 phiên tăng điểm và 12 phiên giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng trong năm 2022 khi VN-Index đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/12/2022, số lượng mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) là 458 mã chứng khoán bao gồm: 322 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ quỹ, 121 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 05 mã cổ phiếu, 48 mã chứng quyền và tăng 01 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng 12/2022, có 39 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose gồm 02 mã cổ phiếu và 37 mã chứng quyền.

Trong tháng 12 năm 2022 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 18.772,1 triệu chứng khoán và giá trị đạt 313.713 tỷ đồng. Tổng giao dịch tăng 14,0% về khối lượng và tăng 22,1% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 87,8% về khối lượng và chiếm 84,8% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 853,3 triệu chứng khoán với 14.259,7 tỷ đồng được giao dịch.

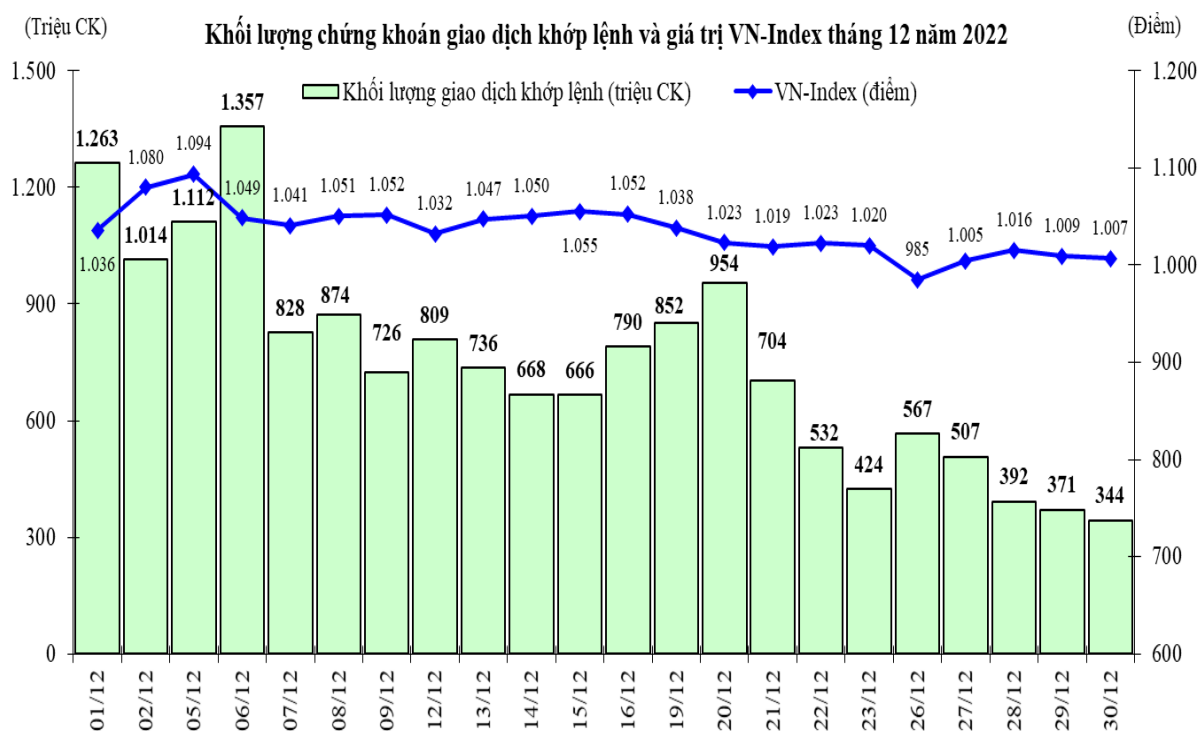
Lũy kế 12 tháng năm 2022, tổng khối lượng giao dịch đạt 172.502,0 triệu chứng khoán với 4.456.207,5 tỷ đồng, giảm 10,0% về khối lượng và giảm 19,0% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,6% về khối lượng và chiếm 86,4% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 692,8 triệu chứng khoán với 17.896,4 tỷ đồng được giao dịch, giảm 9,6% về khối lượng và giảm 18,6% về giá trị so với năm 2021.

Kết quả giao dịch chứng khoán trong tháng 12 và 12 tháng năm 2022 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12/2022	Lũy kế 12 tháng 2022	Tháng 12/2022 so với tháng 11/2022	Lũy kế 12 tháng 2022 so với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	18.772,1	172.502,0	114,0	90,0
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	14.462,8	139.588,6	111,2	85,0
- Trái phiếu	2,3	70,6	121,1	12,8
- Chứng chỉ quỹ & ETF	198,8	1.821,7	67,2	117,0
- Chứng quyền	4.108,2	31.021,1	130,0	122,4
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	16.489,9	157.951,9	113,8	87,6
- Giao dịch thoả thuận	2.282,2	14.550,1	116,0	129,2
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	313.713,0	4.456.207,5	122,1	81,0
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	242.175,4	3.629.617,0	117,5	81,5
- Trái phiếu	9,2	682,6	122,7	1,6
- Chứng chỉ quỹ & ETF	3.741,4	39.713,5	75,0	117,0
- Chứng quyền	67.787,0	786.194,4	148,2	81,0
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	266.061,1	3.851.190,3	121,7	76,4
- Giao dịch thoả thuận	47.651,9	605.017,2	124,9	131,4

Chỉ số VN-Index tháng 12 năm 2022 với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì có 10 phiên tăng điểm và 12 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 12/2022, chỉ số VN-Index đạt 1.036,28 điểm, giảm 30,8% (tương ứng giảm 462,0 điểm) so với 31/12/2021. Trong tháng, chỉ số VN-Index tăng cao nhất đạt mức 1.093,67 điểm, các phiên giao dịch tiếp sau chứng kiến xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 12/2022, VN-Index đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,8% (tương ứng giảm 491,19 điểm) so với 31/12/2021 và giảm 2,8% (tương ứng giảm 29,19 điểm) so với tháng trước. Giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.017.295 tỷ đồng, tương đương 2,71 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.



Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của đầu năm 2023, chỉ số VN-index đạt 1.043,90 điểm, tăng 3,7% (tương ứng tăng 36,81 điểm) so với 30/12/2022. Cập nhật phiên giao dịch ngày 13/01/2023, số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh trên sàn Hose là 448 mã chứng khoán gồm: 319 mã cổ phiếu, 11 mã chứng chỉ, 117 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.060,17 điểm, tăng 5,3% (tương ứng tăng 53,08 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.228.822 tỷ đồng.

VII. MỘT SỐ TÌNH HÌNH XÃ HỘI

7.1. Hoạt động y tế (từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/01/2023)

- *Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH)*: Số ca mắc trong tháng là 4.133 ca giảm 22,5% (-1.197 ca) so với cùng kỳ, không có ca tử vong.

- *Tình hình bệnh Tay Chân Miệng (TCM)*: Số ca mắc trong tháng là 411 ca giảm 61,6% so với cùng kỳ, không có trường hợp tử vong.

- *Tình hình bệnh Covid-19*: Số ca mắc trong tháng là 237 ca, giảm 81,4% so với cùng kỳ.

Tổng số liều vắc xin đã tiêm tính đến ngày 15/01/2023 là 23.580.162 liều; đạt tỷ lệ tiêm mũi 3 của người trên 18 tuổi là 67,3%, tiêm mũi 4 là 54%; tỷ lệ tiêm mũi 3 của trẻ từ 12 đến 18 tuổi là 36,4%; tỷ lệ tiêm mũi 1 của trẻ từ 05 đến dưới 12 tuổi là 64,6%, mũi 2 là 41,0%.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị:

Trong tháng, số lượt khám chữa bệnh ngoại trú trong tháng là 3.022.130 lượt, tăng 52,6% so với cùng kỳ; số lượt khám chữa bệnh ngoại trú BHYT là 1.538.833 lượt, tăng 67,3%; số lượt điều trị là 180.125 lượt, tăng 35,7%.

7.2. Hoạt động giáo dục

Tiếp tục triển khai các Đề án nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030; đề án Giáo dục thông minh và Học tập suốt đời giai đoạn 2021-2030; đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế 08 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông, cơ khí - tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, quản trị doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng, y tế, du lịch, quản lý đô thị), đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, công tác cải cách hành chính trong ngành giáo dục.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện việc đưa trí tuệ nhân tạo AI vào các trường trung học từ năm học 2022-2023.

7.3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động vui chơi đón xuân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 cho người dân Thành phố. Trong đó, tổ chức chương trình đếm ngược trong thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới (countdown) tại phố đi bộ Nguyễn Huệ và đường Lê Duẩn; triển lãm Mừng xuân Quý Mão, gặp mặt kiều bào; tổ chức Hội hoa xuân; chợ hoa Tết “Trên bến, dưới thuyền”; các hoạt động đèn on đáp nghĩa, lễ dâng hương dâng hoa Chủ tịch Hồ Chí Minh; lễ hội đường sách Lê Lợi, đường hoa Nguyễn Huệ; chương trình biểu diễn nghệ thuật chào mừng 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; họp mặt truyền thống kỷ niệm 55 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968; tham quan di tích Biệt động Sài Gòn và thăm gia đình chính sách, có công với cách mạng tại Quận 3, huyện Củ Chi; thăm các doanh nghiệp tiêu biểu của kiều bào tại Quận 12.

Thành phố cũng tổ chức các hoạt động thể thao đón chào năm mới 2023 gồm: Giải Marathon TPHCM lần IX năm 2023 “HCMC Marathon 2023” (Quận 7); liên hoan võ thuật TPHCM tại khu vực phía trước Nhà hát Thành phố (Quận 1); giải đua xe đạp phong trào đón chào năm mới trên tuyến đường Mai Chí Thọ tại khu đô thị Sala (từ giao lộ Đồng Văn Cống đến giao lộ trước trạm thu phí cũ hầm sông Sài Gòn).

7.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Tính từ ngày 16/12/2022 đến ngày 16/01/2023 xảy ra 146 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 23,1% so với cùng

kỳ năm 2022, làm chết 58 người, giảm 12,1%; bị thương 98 người, giảm 11,7%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ: Trong tháng, xảy ra 16 vụ cháy, giảm 8,0% so với cùng kỳ (giảm 21 vụ); không gây thiệt hại về người, trị giá tài sản thiệt hại khoảng 10 triệu đồng (còn 11 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế: Trong tháng đã phát hiện và xử lý 151 vụ, 143 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế và buôn lậu, thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá 24 tỷ đồng; khởi tố 57 vụ, 71 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 46 vụ với tổng số tiền phạt hơn 1,3 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 129 vụ, 304 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 115 vụ, 187 bị can, xử lý hành chính 14 vụ, 117 đối tượng; thu giữ: 7,725 kg Heroin; 36,811 gram Cần sa; 22,54 gram Cocain; 134,179 kg ma túy tổng hợp; 01 khẩu súng; 16 viên đạn cùng một số công cụ phương tiện khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Trong tháng, ghi nhận xảy ra 304 vụ phạm tội về trật tự xã hội, giảm 1,6% so với cùng kỳ; làm chết 05 người, bị thương 24 người, tài sản thiệt hại khoảng 4,9 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 208/304 vụ (đạt 68,4%) và bắt 375 đối tượng.

7.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 27.269/300.000 lượt người (đạt 9,1% kế hoạch năm) và 12.565/140.000 chỗ việc làm mới được tạo ra (đạt 8,9% kế hoạch năm). Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài là 73 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản.

Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp: Trong tháng, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố đã tiếp nhận 11.166 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 11.513 người lao động đủ điều kiện.

7.6. Công tác chăm lo Tết

Thành phố tổ chức các đoàn đến thăm và tặng quà nhiều đối tượng như hộ gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, trẻ mồ côi ... Tổng kinh phí chăm lo dịp tết Nguyên đán 2023 là hơn 926 tỷ đồng, tăng 25 tỷ đồng so với Tết năm 2022. Cụ thể:

- Tặng quà trị giá từ 1,3 triệu đồng đến 3,1 triệu đồng/ suất cho 313.620 trường hợp diện chính sách, người có công; 1,25 triệu đồng/hộ cho 37.170 hộ nghèo; 1,15 triệu đồng/suất cho trường hợp diện bảo trợ xã hội; 1,8 triệu đồng/người cho 136.532 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khu vực hành chính sự nghiệp.

- Bổ sung, tăng giá trị, phần quà Tết (so với Tết năm 2022) cho Lữ đoàn 162 thuộc Bộ Tư lệnh vùng 4 Hải quân; tặng quà Tết cho 3.650 người có công trực tiếp tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đang sinh sống tại thành phố; tăng mức quà cho 4.532 trẻ em mồ côi từ 2,2 lên 5 triệu đồng/suất; tăng mức quà cho 32 hộ giữ rừng Cần Giờ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn từ 1 lên 1,5 triệu đồng/suất; tăng mức quà thăm 38 người là người dân tộc thiểu số tiêu biểu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội từ 1,3 lên 1,5 triệu đồng/suất.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2023 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng